

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2009/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 24 tháng 4 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Quảng Trị đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo của UBND tỉnh về Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 do UBND tỉnh trình, đồng thời nhấn mạnh các nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu chung

a) Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 nhằm đánh giá các nguồn lực, tiềm năng nội lực, các yếu tố bên ngoài có thể huy động và khai thác trong những năm tới; đánh giá kết quả phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh trong thời gian qua; xác định thế mạnh và những hạn chế, từ đó đề ra các mục tiêu phát triển và định hướng quy hoạch các ngành và lĩnh vực quy hoạch vùng, tổ chức lãnh thổ kinh tế- xã hội, gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đối ngoại, kiến nghị các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phát triển và đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả quy hoạch.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 có tính tới sự phối hợp liên tỉnh và hội nhập quốc tế, đặc biệt là sự liên kết phát triển với các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây, trong khu vực và tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, tạo cơ hội cho tỉnh nhanh chóng hòa nhập với các xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới.

b) Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo hướng bền vững, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người so với cả nước. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Kết

hợp chặt chẽ phát triển kinh tế- xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái.

c) Phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế và khai thác hiệu quả tiềm năng nội lực, các lợi thế so sánh của tỉnh cho phát triển. Tăng cường hợp tác kinh tế trong và ngoài nước nhằm tranh thủ tối đa cơ hội từ bên ngoài để phát triển, chủ động tham gia hội nhập quốc tế có hiệu quả. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế- xã hội và thu hút đầu tư. Phát triển mạng lưới đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, tạo các trung tâm động lực trên các vùng lãnh thổ. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện và đồng bộ nhằm đáp ứng tốt cho sự phát triển kinh tế- xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, không ngừng nâng cao đời sống dân cư. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách tôn giáo, đoàn kết dân tộc. Quan tâm phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần và phúc lợi nhân dân, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế- xã hội với giữ vững quốc phòng- an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Các mục tiêu phát triển

a) Về kinh tế:

- Phần đầu GDP thời kỳ 2011- 2015 tăng từ 11,5- 12,5%/năm, thời kỳ 2016-2020 tăng từ 12,5- 13,5%/năm;

- Thu nhập GDP/người đến năm 2015 tăng hơn 2 lần so với năm 2010 (32 triệu đồng) và năm 2020 tăng hơn 2 lần so với năm 2015 (69 triệu đồng);

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đến năm 2015 tỷ trọng công nghiệp chiếm 49%, dịch vụ 31% và nông nghiệp 20%; đến năm 2020 tỷ trọng của 3 khu vực tương ứng là 56%, 31% và 13%;

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 80- 100 triệu USD và năm 2020 đạt 170- 200 triệu USD;

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách từ GDP đạt khoảng 20% vào năm 2015 và khoảng 22% vào năm 2020;

- Huy động vốn đầu tư phát triển xã hội (Giá HH) giai đoạn 2009-2020 từ 160-180 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011- 2015 từ 45-50 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2016- 2020 từ 105- 120 nghìn tỷ đồng.

b) Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,0% trong thời kỳ 2011- 2020. Tỷ lệ dân số thành thị đạt khoảng 33% vào năm 2015 và 40% vào năm 2020;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (Theo chuẩn 2006- 2010) xuống còn dưới 15% vào năm 2010; sau năm 2010 bình quân mỗi năm giảm 2,5- 3% hộ nghèo;

- Phân đầu tạo việc làm mới hàng năm cho trên 8.000 lao động; duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị ở mức dưới 4% trong thời kỳ 2011- 2020;

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% vào năm 2015, trong đó qua đào tạo nghề 33%; các tỷ lệ trên đạt tương ứng đến năm 2020 là 50% và 44%;

- Đến năm 2015 cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học. Đến năm 2015 có 100% trường tiểu học; 60% trường mầm non công lập, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn quốc gia và đến năm 2020 đạt 100%;

- Đến năm 2015 có 100% trạm y tế xã có bác sĩ, 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, có 8 bác sĩ và 25 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2020 phân đầu có 10 bác sĩ và 28 giường bệnh/1 vạn dân. Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 17% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020;

- Mật độ điện thoại bình quân đạt trên 50 máy/100 dân vào năm 2015 và trên 80 máy/100 dân vào năm 2020. Tốc độ phát triển thuê bao internet giai đoạn 2011- 2015 đạt 26,7%/năm và sau năm 2015 toàn bộ nhu cầu sử dụng internet của người dân được đáp ứng 95%;

- Đến năm 2015 có 90% làng, bản, đơn vị; 95% gia đình được công nhận văn hóa và đến năm 2020 cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng gia đình, đơn vị văn hóa. Đến năm 2015 có 27% dân số tập luyện thể thao thường xuyên, 16- 17% gia đình đạt chuẩn gia đình thể thao và đến năm 2020 có 30- 32% dân số tập luyện thể thao thường xuyên, 19-21% gia đình đạt chuẩn gia đình thể thao.

c) Về môi trường:

- Đến năm 2015 có 95% dân số thành thị, 90% dân số nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đến năm 2020 các chỉ tiêu tương ứng đạt 100% và 95%;

- Nâng độ che phủ rừng lên 48% vào năm 2015 và đạt trên 50% vào năm 2020, tăng diện tích cây xanh ở thành phố và các đô thị khác trong tỉnh;

- Đến năm 2015 các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm môi trường đạt tiêu chuẩn;

- Đến năm 2015 có 100% đô thị, khu cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ- du lịch có hệ thống thoát nước thải, nước mưa. Sau năm 2015 tiếp tục xây dựng hệ thống thoát nước thải, nước mưa tại các đô thị, khu cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ- du lịch mới thành lập;

- Đến năm 2015 có 100% đô thị, khu cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ- du lịch được thu gom, xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn; quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế. Đến năm 2020 tiếp tục duy trì các chỉ tiêu đã đạt được và phấn đấu thu gom, xử lý 100% rác thải sinh hoạt.

3. Các trọng điểm tạo sự phát triển bứt phá cho tỉnh

- Trọng điểm 1: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp với mức tăng trưởng cao, tạo động lực phát triển cho toàn bộ nền kinh tế;

- Trọng điểm 2: Tạo bước phát triển vượt bậc về hệ thống doanh nghiệp, kinh tế hợp tác xã; phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ, tăng khả năng đóng góp cho nền kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập dân cư;

- Trọng điểm 3: Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thâm canh, sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch gắn với công nghiệp chế biến, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn, kết hợp với giữ gìn môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững;

Trọng điểm 4: Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển mạng lưới đô thị theo hướng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc cho bước phát triển tiếp theo;

Trọng điểm 5: Chú trọng đầu tư một số lĩnh vực xã hội như: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao năng lực và chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế; hoàn thiện các thiết chế văn hóa- thể thao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học- công nghệ; cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước.

4. Về định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

a) Về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và xây dựng nông thôn:

Kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, có vai trò to lớn trong đảm bảo an ninh lương thực, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ vững ổn định chính trị xã hội. Phát triển toàn diện nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại, phù hợp với bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Duy trì nhịp độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong thời kỳ quy hoạch đạt bình quân 4- 4,5%/năm;

- Đảm bảo an ninh lương thực trên cơ sở mở rộng và duy trì diện tích gieo trồng lúa ổn định 46- 47 nghìn ha và tăng cường đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất;

- Tăng diện tích lúa chất lượng cao đạt khoảng 15.000 ha vào năm 2015 và khoảng 18.000- 20.000 ha vào năm 2020;

- Cây cao su phân đầu đến năm 2015 có diện tích khoảng 19.000- 20.000 ha và nghiên cứu tiếp tục mở rộng thêm diện tích trong giai đoạn sau năm 2015;

- Cây cà phê phân đầu đến năm 2015 ổn định diện tích khoảng 5.000 ha;

- Cây hồ tiêu ổn định diện tích khoảng 3.000 ha;

- Phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, gia trại và đảm bảo an toàn dịch bệnh. Phân đầu tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 35% vào năm 2015 và khoảng 40% vào năm 2020;

- Tập trung bảo vệ và phát triển rừng để đảm bảo mục tiêu về độ che phủ rừng, đẩy mạnh phát triển trồng rừng kinh tế; phân đầu mỗi năm trồng mới khoảng 4.500 ha rừng tập trung. Phát triển Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa, Khu rừng cảnh quan sinh thái đường Hồ Chí Minh huyện thoại;

- Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh, đến năm 2020 chiếm tỷ trọng trên 30% tổng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Phân đầu sản lượng thủy sản năm 2015 đạt 32- 33 nghìn tấn, năm 2020 đạt 38 nghìn tấn. Tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần nghề cá, chợ cá; xây dựng khu neo đậu trú bão tại Triệu An;

- Chủ động phòng ngừa thiên tai và biến đổi khí hậu, nhất là thiên tai, bão, lũ, hạn hán, sụt lún đất, xói lở bờ sông... Có kế hoạch chủ động ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai, giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu.

b) Về phát triển công nghiệp:

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp để tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng cho quá trình công nghiệp hoá. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các khu cụm công nghiệp; thu hút các dự án đầu tư lớn để tạo ra các cơ sở công nghiệp chiến lược trong tỉnh. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 18- 19%/năm thời kỳ 2011-2020, các định hướng đầu tư lớn bao gồm:

- Nghiên cứu xây dựng tổ hợp Khí- Điện- Đạm và chế biến các sản phẩm khác từ khí đốt khi mỏ khí đốt ở vùng biển Quảng Trị được khai thác;

- Nghiên cứu xây dựng nhà máy nhiệt điện bằng than. Tiếp tục kêu gọi đầu tư hệ thống thủy điện nhỏ theo quy hoạch đã được phê duyệt;

- Sớm xây dựng nhà máy xi măng tại Cam Tuyền với công suất 35 vạn tấn và mở rộng quy mô sản xuất khi cần thiết; tiếp tục nghiên cứu triển khai dự án xi măng quy mô từ 1 triệu tấn/năm trở lên. Nghiên cứu sản xuất các loại phụ gia xi măng mà tỉnh có điều kiện;

- Xây dựng các nhà máy sản xuất gạch tuy nèn, gạch không nung; các loại tấm lợp: Tôn, tấm lợp không amiăng, tấm lợp xi măng cốt sợi thủy tinh, tôn kim loại màu, ngói xi măng- cát (Ro man);

- Khai thác các mỏ silicat ven biển gắn với việc chế biến các sản phẩm thủy tinh, pha lê, vật liệu ốp tường cao cấp. Khai thác tận thu khoáng sản phải bảo vệ được môi trường sinh thái và gắn với chế biến thành sản phẩm hàng hóa, hạn chế dần và tiến đến dừng xuất khẩu các sản phẩm thô theo quy định;

- Thúc đẩy việc thực hiện dự án Bia tại Khu Công nghiệp Quán Ngang. Kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất nước khoáng, nước tinh lọc, nước ngọt trên địa bàn;

- Tiếp tục thăm dò, khai thác điểm mỏ vàng gốc A Vao với quy mô công nghiệp theo quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản cả nước đã phê duyệt;

- Triển khai thực hiện các dự án cơ khí quan trọng như: Cán kéo thép chất lượng cao; sản xuất phụ tùng xe máy, xe đạp; lắp ráp xe tải nhẹ; sửa chữa và đóng mới các loại tàu thủy tại Cửa Việt;

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư các cơ sở sản xuất công nghiệp có khả năng tạo được nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu như: May mặc, giày da, lắp ráp điện, điện tử, điện lạnh...;

- Chú trọng thực hiện các dự án chế biến nông, lâm, thủy sản như: Chế biến cao su; cà phê; tinh bột sắn; chế biến lương thực; chế biến súc sản, thủy sản; sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất gỗ gia dụng và nội thất; chế biến nhựa thông, dầu sinh học...;

* Hoàn thành việc lập quy hoạch Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị và đưa vào quy hoạch hệ thống khu kinh tế của cả nước trước năm 2010; tập trung kêu gọi đầu tư và phân đấu cơ bản xây dựng hoàn thành trước năm 2020.

* Đến năm 2010, xây dựng cơ bản hoàn thành kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư lấp đầy trên 50% diện tích Khu Công nghiệp Nam Đông Hà và Khu Công nghiệp Quán Ngang (Giai đoạn 1). Sau năm 2010, tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Quán Ngang (Giai đoạn 2); các Khu Công nghiệp Hải Lăng, Bắc Hồ Xá, đường 9 và phân đấu thu hút đầu tư lấp đầy trên 60% diện tích vào năm 2015; đến năm 2020 phân đấu lấp đầy trên 80% diện tích.

Trong đó:

- Khu Công nghiệp Nam Đông Hà: Giữ nguyên quy mô như hiện nay (99ha), không phát triển mở rộng thêm và chỉ định hướng đầu tư công nghiệp sạch;

- Khu Công nghiệp Quán Ngang: Đến năm 2010 đầu tư giai đoạn 1 với quy mô 139 ha, sau năm 2010 tiếp tục mở rộng quy mô diện tích lên 205 ha;

- Khu Công nghiệp Hải Lăng: Hình thành trên cơ sở quy hoạch, đầu tư mở rộng Cụm Công nghiệp làng nghề Diên Sanh hiện nay lên quy mô khoảng 150 ha;

- Khu Công nghiệp Bắc Hồ Xá: Quy mô diện tích đất quy hoạch xây dựng khu công nghiệp khoảng từ 140- 150 ha;

- Khu Công nghiệp đường 9: Quy mô diện tích đất quy hoạch xây dựng khu công nghiệp khoảng từ 80- 100 ha.

Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư lấp đầy các cụm công nghiệp đã có, nghiên cứu quy hoạch và từng bước xây dựng các cụm công nghiệp mới nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư trên địa bàn.

c) Về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh bám sát định hướng phát triển hành lang kinh tế Đông- Tây nhằm tạo đòn bẩy thúc đẩy phát triển nhanh kinh tế-xã hội và phục vụ tốt hơn đời sống dân cư, các định hướng phát triển chính là:

- Phát triển Đông Hà, Khu Kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo trở thành trung tâm thương mại, đầu mối trao đổi, giao dịch hàng hóa, dịch vụ lớn của cả vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ với các nước trên hành lang kinh tế Đông- Tây;

- Xây dựng kết cấu hạ tầng; chuẩn bị đáp ứng các điều kiện, tiêu chí cần thiết để thành lập Khu Kinh tế cửa khẩu La Lay vào năm 2015 hoặc sớm hơn.;

- Phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu theo hướng hiện đại, văn minh và kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ tổng hợp; trước hết là chú trọng phát triển trên tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây;

- Chú trọng đầu tư phát triển hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn theo quy hoạch phát triển hệ thống chợ của tỉnh đã được phê duyệt;

- Quy hoạch và xây dựng các điểm dừng nghỉ kết hợp với trưng bày bán các sản phẩm địa phương; các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị bán buôn, bán lẻ văn minh, hiện đại trên tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây;

- Phát triển mạnh mạng lưới kho tàng, bến bãi, các dịch vụ logistic nhằm đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ hàng quá cảnh, tạm nhập tái xuất, gia công, tái chế, đóng gói sản phẩm, linh kiện, công- ten- nơ;

- Nghiên cứu xây dựng cảng trung chuyển công- ten- nơ tại Đông Hà hoặc vùng phụ cận nhằm thúc đẩy vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sắt từ Băng Cốc tới Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại;

- Phát triển mạnh dịch vụ vận tải, kho bãi và bốc dỡ hàng hóa nhất là các tuyến liên vận quốc tế, liên tỉnh và nội tỉnh. Nghiên cứu phát triển các tuyến xe buýt nội thị và trên các tuyến quốc lộ nối các đô thị;

- Phát triển mạnh mẽ dịch vụ Bưu chính- Viễn thông theo hướng đa dạng, hiện đại và tiện ích. Chú trọng phát triển các dịch vụ mới như trả lương hưu, thanh toán, nhờ thu, các dịch vụ dựa trên mạng Bưu chính điện tử; đưa dần các dịch vụ Bưu chính- Viễn thông về cơ sở;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của hệ thống tài chính, tín dụng ngân hàng. Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, tiện ích, cung cấp các dịch vụ hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội và hội nhập. Xây dựng các trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp các thông tin, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào thị trường chứng khoán;

- Phát triển các loại hình dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, nhất là các loại hình dịch vụ hiện đại, có chất lượng cao như chuyển giao khoa học- kỹ thuật, công nghệ- tin học, dịch vụ tư vấn, bảo hiểm...;

- Đẩy nhanh phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hiệu quả các lợi thế của tỉnh. Lựa chọn phát triển một số sản phẩm du lịch hấp dẫn mang đặc trưng riêng của tỉnh và xây dựng thành thương hiệu mạnh. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phân đầu đưa Khu Du lịch Cửa Việt- Cửa Tùng- Cồn Cỏ trở thành khu du lịch sinh thái Quốc gia. Xây dựng Cồn Cỏ thành đảo du lịch. Liên kết chặt chẽ với du lịch miền Trung và các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây để hình thành các tuyến du lịch khu vực và quốc tế.

d) Về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

* Hệ thống giao thông:

- Xây dựng các tuyến đường cao tốc Bắc- Nam phía Đông, cao tốc Bắc- Nam phía Tây, cao tốc Cam Lộ- Lao Bảo theo quy hoạch quốc gia;

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống quốc lộ đến năm 2020 gồm 6 tuyến là Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (Gồm Cam Lộ- Tuý Loan), đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, đường bộ ven biển, đường hành lang biên giới và nâng cấp ĐT.571 lên Quốc lộ;

- Nâng cấp, mở rộng toàn bộ đường tỉnh đạt tiêu chuẩn cấp IV với tỷ lệ rải nhựa, bê tông xi măng 100%. Xây dựng đường nối Quốc lộ 1A về cảng Mỹ Thủy và các cầu lớn là: Cửa Việt, Bắc Phước, Vĩnh Phước, Đại Lộc, Ba Buôi, Châu Thị, An Tiêm, cầu qua sông Hiếu (Trên đường Lê Thánh Tông- thị xã Đông Hà nối dài), cầu Hoang Cốc, Hội Yên 1, Hội Yên 2, cầu qua sông Thạch Hãn (Trên đường Quang Trung - thị xã Quảng Trị nối dài);

- Về giao thông nội thị: Tiếp tục nâng cấp mạng lưới đường giao thông Đông Hà đạt tiêu chuẩn đường giao thông thành phố loại III, quy hoạch loại II; hoàn thiện các trục đường giao thông hai bên bờ sông Hiếu. Củng cố, nâng cấp hệ thống đường giao thông tại các thị xã, thị trấn còn lại;

- Đến năm 2015 nhựa hóa, bê tông hóa 50% chiều dài các tuyến đường huyện, liên xã và đến năm 2020 phấn đấu đạt 80%. Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn, phấn đấu đến năm 2015 kiên cố hóa 60% chiều dài và đến năm 2020 kiên cố hóa trên 80% chiều dài đường giao thông nông thôn;

- Quy hoạch và phát triển 4 bến xe nên tỉnh đạt tiêu chuẩn từ loại 1 đến loại 2; - Quy hoạch và phát triển hệ thống các bến xe nội tỉnh đạt từ loại 4 đến loại 6;

- Phát triển mạng lưới đường sắt phù hợp với Chiến lược phát triển đường sắt quốc gia. Nâng cấp ga Đông Hà đạt tiêu chuẩn ga cấp 2. Nghiên cứu xây dựng đường sắt cận cao tốc Lao Bảo- Mỹ Thủy trên tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây và đấu nối vào các tuyến đường sắt Bắc- Nam;

- Hoàn thành lập quy hoạch xây dựng sân bay Quảng Trị tại Quán Ngang và đưa vào quy hoạch phát triển hệ thống sân bay Việt Nam trước năm 2010; triển khai đầu tư xây dựng và phân đấu cơ bản hoàn thành trước năm 2020;

- Hoàn thành lập quy hoạch xây dựng cảng biển Mỹ Thủy và đưa vào quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam trước năm 2010; tích cực kêu gọi đầu tư và phân đấu cơ bản hoàn thành trước năm 2020. Mở rộng và chỉnh trị luồng tàu vào cảng Cửa Việt nâng công suất lên 800.000 tấn/năm. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng để mở tuyến vận tải biển Cửa Việt- Cồn Cỏ- Cửa Tùng.

* Hệ thống cấp điện:

- Phát triển lưới điện 500KV, 220KV theo đồ án quy hoạch phát triển điện lực quốc gia gồm: Xây dựng mạch 1 tuyến 220 KV từ Huế- Đồng Hới để cấp điện cho tỉnh thông qua TBA 220KV Đông Hà (1x 125MVA) trước năm 2010; từ 2011- 2015 xây dựng mạch 2 tuyến 220KV Huế- Đồng Hới và bổ sung máy 2 (1x 125MVA) tại TBA Đông Hà; từ 2016- 2020 xây dựng đường dây 220KV nhánh rẽ Cửa Tùng và lắp đặt TBA 220KV Cửa Tùng (2x 125MVA);

- Tùy theo tiến độ và khả năng phát triển phụ tải sẽ phát triển lưới điện 220KV và các TBA 220KV tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu... Hiện đại và ngầm hóa từng bước hệ thống lưới điện tại các thành phố, thị xã nhằm hạn chế tác động xấu tới cảnh quan, môi trường đô thị;

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn; chú trọng phát triển hệ thống lưới điện hoặc nghiên cứu các nguồn năng lượng mới để cung cấp cho các thôn, bản chưa có điện. Xây dựng nhà máy điện mặt trời cung cấp cho huyện đảo Cồn Cỏ hoàn thành trước năm 2015.

* Thông tin và Truyền thông:

- Đến năm 2010, phát triển kết cấu hạ tầng bưu chính có công nghệ hiện đại ngang tầm với các tỉnh trong nước, đảm bảo 100% xã có thư báo đến trong ngày. Đến

năm 2015 các điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp hầu hết dịch vụ bưu chính mà Bưu cục cung cấp; hầu hết các thôn, cụm thôn có điểm cung cấp các dịch vụ thiết yếu về bưu chính; đảm bảo thư báo đến đảo Cồn Cỏ trong ngày. Sau năm 2015, tiếp tục hoàn thiện mạng lưới bưu chính, ứng dụng rộng rãi công nghệ tự động hóa trong khai thác, chấp nhận và tin học hóa các công đoạn bưu chính;

- Phát triển mạnh mạng lưới viễn thông nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc với dung lượng lớn, tốc độ cao, giá rẻ. Đến năm 2010, phần đầu các chỉ tiêu viễn thông đạt mức khá của cả nước. Đến năm 2015, có 100% xã có cáp quang đến trung tâm; toàn bộ thuê bao internet là băng thông rộng; đảm bảo môi trường internet để phát triển các dịch vụ hành chính, thương mại điện tử...; từng bước ngầm hóa mạng cáp ở thị xã và các trung tâm huyện. Sau năm 2015 tiếp tục phát triển đa dạng các lĩnh vực ứng dụng viễn thông hiện đại, nâng cao chất lượng viễn thông ở nông thôn với chất lượng và đa dạng dịch vụ như ở thành thị;

- Từng bước xây dựng hệ thống phát thanh truyền hình cáp đa kênh, phát thanh truyền hình tương tác, truyền hình theo yêu cầu. Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, công nghệ phát thanh- truyền hình; củng cố, nâng cấp thiết bị và tăng năng lực phục vụ của các đài tỉnh, huyện thị xã.

* Hệ thống thủy lợi: Tiếp tục nâng cấp các công trình thủy lợi, đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi vùng gò đồi, vùng miền núi. Khai thác triệt để công suất tưới, tiêu của các công trình thủy lợi đến năm 2020 đảm bảo tưới tiêu ổn định cho 85% diện tích đất canh tác lúa, mở rộng diện tích tưới cho diện tích cây màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Xây dựng hệ thống đê bao chống lũ, chống úng, chống xói lở và ngăn mặn ven sông, ven biển. Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và xây dựng các công trình thủy lợi lớn như: Sa Lung, kênh La Ngà, nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn, hệ thống đê bao chống úng Hải Lăng, hồ Đá Mài- Tân Kim, hồ Hà Thượng, hệ thống đê biển... Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hệ thống thủy lợi nhỏ miền núi để sớm đưa vào sử dụng. Chú trọng phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi thủy sản, trồng rau màu... theo định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi của tỉnh.

* Cấp nước sinh hoạt: Tiếp tục nâng cấp cải tạo các nhà máy cấp nước, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước nhằm khai thác hiệu quả công suất của các nhà máy. Triển khai thực hiện dự án cấp nước 4 đô thị Khe Sanh Lao Bảo, Đông Hà, Quảng Trị và Cửa Việt; hình thành các mạng đường ống Đông Hà- Ái Tử- Quảng Trị; Đông Hà- Gio Linh- Cửa Việt, Đông Hà- Cam Lộ, Khe Sanh- Lao Bảo để mở rộng mạng cấp nước máy cho các vùng nông thôn nơi có đường ống đi qua; triển khai thực hiện các dự án cấp nước cho những đô thị mới thành lập, các khu đô thị mới, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu dịch vụ- du lịch. Chú trọng thực hiện chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, kết hợp thực

hiện các biện pháp xử lý nước để đảm bảo nguồn nước sạch sinh hoạt cho khu vực nông thôn.

e) Về phát triển các lĩnh vực xã hội:

* Phát triển dân số, nguồn lao động, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo:

- Ổn định quy mô dân số của tỉnh đến năm 2015 khoảng 700 nghìn người và năm 2020 khoảng 750 nghìn người. Tỷ lệ dân số thành thị chiếm khoảng 33% năm 2015 và khoảng 40% vào năm 2020;

- Dự báo số người trong độ tuổi lao động có nhu cầu về việc làm vào năm 2015 khoảng 333 nghìn; năm 2020 khoảng 358 nghìn. Khả năng tạo việc làm trong nội bộ nền kinh tế tỉnh vào năm 2015 khoảng 323 nghìn người và năm 2020 khoảng 349 nghìn người. Phương hướng giải quyết việc làm là đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội để tạo việc làm tại chỗ là cơ bản, đồng thời coi trọng đưa lao động đi làm việc ngoài tỉnh và xuất khẩu. Phấn đấu tạo việc làm mới hàng năm cho trên 8.000 lao động;

- Tiếp tục quan tâm đặc biệt đến công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các điều kiện hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn, thực hiện tốt Đề án giảm nghèo bền vững ở huyện Đakrông (Đề án 61 huyện nghèo). Cải thiện cơ bản cuộc sống của người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản.

* Giáo dục và Đào tạo:

Phát triển toàn diện sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo ở tất cả các cấp bậc học; mở rộng về quy mô và phân bố mạng lưới trường, lớp một cách hợp lý theo nhu cầu học tập trên từng địa bàn; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Gắn phát triển giáo dục đào tạo với định hướng phát triển nguồn nhân lực và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, tiến tới xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người được học tập nâng cao trình độ.

- Xây dựng cơ sở vật chất hệ thống giáo dục phổ thông theo hướng chuẩn hóa, đủ nhu cầu phòng học và thuận lợi cho con em của nhân dân trong toàn tỉnh. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính sáng tạo và năng lực tự đào tạo của học sinh, coi trọng thực hành, ngoại ngữ và áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Tiếp tục nâng cao tỷ lệ huy động học sinh đến trường. Duy trì các trường dân tộc nội trú, các trung tâm giáo dục thường xuyên hiện có; thành lập mới 2 trung tâm kỹ thuật tổng hợp- hướng nghiệp tại Vĩnh Linh, Đakrông và một số trung tâm, đơn vị giáo dục khác theo định hướng phát triển giáo dục của quốc gia;

- Tăng quy mô tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp hàng năm từ 15- 20%. Nâng cấp trường Trung học Y tế thành trường Cao đẳng; trường Trung học Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn thành trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật; trường Công nhân kỹ thuật và Nghiệp vụ Giao thông- Vận tải thành trường Trung học Nghiệp vụ Giao thông- Vận tải; trường Trung cấp nghề tổng hợp lên Cao đẳng nghề trước năm 2015. Đảm bảo điều kiện để thành lập Trường Đại học kỹ thuật Quảng Trị thuộc Đại học Huế vào năm 2015. Sau năm 2015 nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị thành trường Đại học.

*** Y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng:**

Xây dựng hệ thống y tế đủ khả năng bảo vệ và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, đa dạng của nhân dân. Đảm bảo mọi người dân được chăm sóc sức khỏe ban đầu tốt hơn và được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng cao.

- Hoàn thành quy hoạch và đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 500-700 giường đạt tiêu chuẩn quốc gia trước năm 2015. Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh. Nâng cấp Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng Cửa Tùng. Nâng cấp Phòng Quản lý sức khỏe cán bộ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện và đa khoa khu vực bằng nguồn vốn TPCP và nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu. Từng bước thực hiện chuẩn quốc gia về y tế xã;

- Hoàn thiện mạng lưới y tế dự phòng cấp tỉnh, trong đó xây dựng mới 04 trung tâm gồm: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc- mỹ phẩm- dược phẩm, Trung tâm Kiểm dịch y tế tại Lao Bảo, Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Phòng, chống bệnh xã hội. Xây dựng mới bệnh viện Lao và bệnh Phổi. Cải tạo nâng cấp 3 trung tâm khác gồm: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

*** Văn hóa- Thể dục thể thao:**

- Hoàn thành việc đầu tư tôn tạo hệ thống di tích theo quy hoạch đã được phê duyệt; chú trọng những di tích trọng điểm như: Thành Cổ Quảng Trị, Địa đạo Vịnh Mốc, Khu Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; quản lý và bảo vệ 100% các di tích lịch sử danh thắng;

- Phấn đấu đến năm 2015: Cấp tỉnh có đầy đủ các thiết chế văn hóa- thể thao: Khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu đa năng, bể bơi tổng hợp, sân vận động, thư viện, trung tâm văn hóa, bảo tàng, công viên, rạp chiếu bóng, trung tâm hội chợ triển lãm đạt tiêu chuẩn. Cấp huyện xây dựng được một số thiết chế trọng điểm: Thư viện, nhà truyền thống, nhà văn hóa, nhà thi đấu thể thao, sân vận động, công viên, khu vui chơi cho người cao tuổi và trẻ em. 100% xã ở đồng bằng và 80% xã ở miền núi có khu sinh hoạt văn hóa- thể thao;

- Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động lễ hội trên địa bàn. Nâng quy mô lễ hội Thống nhất non sông (30/4) và lễ hội Nhịp Cầu Xuyên Á lên cấp quốc gia.

* Thực hiện chính sách tôn giáo và dân tộc, phát triển khoa học công nghệ, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Thực hiện tốt chính sách về tôn giáo và dân tộc. Đảm bảo quyền tự do, tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Quan tâm thực hiện các chính sách ưu tiên đối với đồng bào dân tộc ít người và vùng đồng bào dân tộc ít người sinh sống.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ nhằm tạo ra những đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm. Phát triển khoa học công nghệ phải gắn kết và phục vụ thiết thực, hiệu quả cho phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh;

- Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Quan tâm bảo vệ, giảm tác động của quá trình đô thị hóa tới môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế của tỉnh.

* Đảm bảo quốc phòng an ninh

Tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh; giữ vững chủ quyền và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo an ninh chính trị ổn định trật tự an toàn xã hội; gắn Quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội với đảm bảo quốc phòng- an ninh trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

5. Về định hướng phát triển theo lãnh thổ

a) Định hướng phát triển mạng lưới đô thị

- Thành phố Đông Hà: Là đô thị tỉnh lỵ, hoàn thành nâng cấp lên thành phố vào năm 2009 và lên đô thị loại 2 trước năm 2020. Phát triển không gian đô thị Đông Hà theo cả 4 hướng và lấy sông Hiếu làm trục trung tâm;

- Thị xã Quảng Trị: Phát triển trên quy mô thị xã hiện nay, sau năm 2015 được nâng cấp lên đô thị loại 3;

- Nâng cấp Khu Kinh tế đặc biệt Lao Bảo thành đô thị loại 4 trước năm 2015 và đô thị loại 3 trước năm 2020;

- Nâng cấp thị trấn Hồ Xá: Lên đô thị loại 4 trước năm 2015;

- Mạng lưới thị trấn: Đến năm 2020, toàn tỉnh có 13 thị trấn đô thị loại 5 gồm 08 thị trấn hiện có là: KrôngKlang, Cam Lộ, Hải Lăng, Ái Tử, Gio Linh, Cửa Việt, Bến Quan, Cửa Tùng và thành lập 05 thị trấn mới là: Bồ Bản, Mỹ Thủy, Tà Rụt, A Túc, Hướng Phùng.

b) Định hướng phát triển các vùng lãnh thổ, bao gồm:

- Vùng miền núi: Định hướng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp gắn với phát triển các khu kinh tế, cửa khẩu. Hình thành các vùng trồng cây công nghiệp tập trung, trồng rừng và chăn nuôi. Quan tâm đặc biệt đến công tác định

canh định cư, xây dựng kinh tế mới, xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

- Vùng đồng bằng: Định hướng xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh lúa, cao su, hồ tiêu, lạc; phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, trang trại, gia trại. Phát triển công nghiệp trên cơ sở đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu cụm công nghiệp. Phát triển thương mại, dịch vụ trên cơ sở hệ thống các đô thị làm động lực thúc đẩy. Chú trọng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn để tạo việc làm cho nông dân;

- Vùng ven biển và đảo Côn Cỏ: Định hướng phát triển tổng hợp trên cơ sở khai thác các tiềm năng về biển như: Khai thác và nuôi trồng thủy sản, dịch vụ cảng biển, hậu cần nghề cá; du lịch sinh thái biển đảo. Chú trọng cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên biển, xây dựng làng sinh thái ven biển. Phát triển tổng hợp nông, lâm, ngư, công nghiệp, dịch vụ để xóa đói giảm nghèo cho dân cư vùng bãi ngang.

c) Phát triển các hành lang kinh tế và các lãnh thổ đặc thù của tỉnh.

- Định hướng phát triển 04 hành lang kinh tế chính của tỉnh gồm:

+ Hành lang đường 9: Theo trục quốc lộ 9 từ Lao Bảo đến Cửa Việt.

+ Hành lang Quốc lộ 1A: Theo trục quốc lộ 1A từ Vĩnh Linh đến Hải Lăng.

+ Hành lang ven biển: Theo tuyến quy hoạch đường bộ ven biển của cả nước từ Vĩnh Thái (Vĩnh Linh) đến Hải Khê (Hải Lăng);

+ Hành lang đường Hồ Chí Minh: Theo đường Hồ Chí Minh nhánh Tây và đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (Bao gồm cả tuyến Cam Lộ- Túy Loan).

- Định hướng phát triển 04 khu vực lãnh thổ đặc thù của tỉnh gồm:

+ Khu Kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo;

+ Khu Kinh tế Đông- Nam Quảng Trị;

+ Khu Kinh tế cửa khẩu La Lay;

+ Huyện đảo Côn Cỏ.

6. Các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư: Các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư từ năm 2009- 2020 có danh mục kèm theo.

7. Các giải pháp cơ bản thực hiện quy hoạch:

Thông nhất với 8 nhóm giải pháp cơ bản để thực hiện quy hoạch đã đề ra trong Đề án quy hoạch gồm:

1. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển;
2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

3. Phát triển khoa học công nghệ để tạo ra những đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho nền kinh tế;
4. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh các thành phần kinh tế, tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh;
5. Tăng cường hoạt động đối ngoại và hợp tác trong nước để tranh thủ nguồn vốn, công nghệ vào phát triển kinh tế- xã hội;
6. Tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, quan tâm phát triển cả thị trường trong nước và xuất khẩu;
7. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước.
8. Tổ chức triển khai thực hiện tốt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh đến năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác giám sát thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2009 và có hiệu lực sau 10 ngày./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Bá Nguyên

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU THỰC HIỆN*(Kèm theo Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh)*

TT	Tên chương trình
1	Các chương trình MTQG đang thực hiện trên địa bàn (Giảm nghèo, việc làm, phòng chống ma túy, phòng chống tội phạm, dân số- kế hoạch hóa gia đình, phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS, văn hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, giáo dục đào tạo)
2	Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu
3	Chương trình MTQG phát triển nông thôn mới
4	Chương trình MTQG về đào tạo nghề cho lao động nông thôn
5	Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh
6	Chương trình xóa nhà dột nát, tạm bợ cho hộ nghèo
7	Chương trình ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp
8	Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
9	Chương trình tiếp tục củng cố, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác xã
10	Chương trình phát triển vùng lúa chất lượng cao
11	Chương trình phát triển cây lạc tập trung
12	Chương trình phát triển vùng trồng sản nguyên liệu
13	Chương trình phát triển cây công nghiệp dài ngày (Cao su, cà phê, tiêu)
14	Chương trình phát triển chăn nuôi
15	Chương trình trồng rừng (Gồm trồng rừng theo Dự án 5 triệu ha rừng)
16	Chương trình bảo vệ và phát triển rừng
17	Chương trình phát triển kinh tế trang trại
18	Chương trình nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản, cây trồng, vật nuôi
19	Chương trình đóng mới, cải hoán tàu đánh cá xa và trung bờ
20	Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng các đô thị trên địa bàn tỉnh
21	Chương trình đầu tư xây dựng KCHT trên hành lang kinh tế Đông Tây
22	Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn
23	Chương trình kiên cố hóa kênh mương
24	Chương trình xây dựng CSHT các xã đặc biệt khó khăn (CT 135)

25	Chương trình đầu tư đường vào xã khó khăn, mới chia tách (TPCP)
26	Chương trình đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi nhỏ (TPCP)
27	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học (TPCP+ HTMT+ CTMT)
28	Chương trình đầu tư y tế (TPCP+ HTMT+ CTMT)
29	Chương trình đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở
30	Chương trình phát triển hệ thống chợ nông thôn
31	Chương trình cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh
32	Chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật bưu chính- viễn thông và CNTT
33	Chương trình phát triển các khu, cụm công nghiệp- làng nghề
34	Chương trình phát triển ngành nghề nông thôn “CT mỗi làng mỗi nghề”
35	Chương trình xây dựng hệ thống đê, kè, bờ sông, bờ biển
36	Chương trình di dân, tái định cư vùng sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển
37	Chương trình xây dựng CSHT huyện, xã mới chia tách
38	Chương trình biển Đông, hải đảo
39	Chương trình hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch
40	Chương trình xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư và hỗ trợ đầu tư
41	Chương trình phòng chống, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh
42	Chương trình bảo vệ môi trường bền vững
43	Chương trình phát triển kinh tế- xã hội theo NQ 39 của Bộ Chính trị
44	Chương trình phát triển vùng biên giới Việt Lào
45	Chương trình ổn định định canh định cư và di dân phát triển KTM

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU THỰC HIỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án	DK vốn thực hiện (Tỷ đồng)
	TỔNG SỐ	117.032
I	CÁC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	28.610
1	Dự án nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Đông Hà- thị xã Quảng Trị	477
2	Quốc lộ 1A tránh Đông Hà về phía Đông	625
3	Mở rộng Quốc lộ 9 tránh Đông Hà về phía Nam (Đường 9D)	200
4	Cầu vượt đường sắt và Quốc lộ 1A (Trên đường 9D)	220
5	Mở rộng Quốc lộ 9 đoạn Sông- Cửa Việt	98
6	Quốc lộ 9 tránh thị trấn Cam Lộ	42
7	Mở rộng Quốc lộ 9 + Quốc lộ 1 (Hành lang kinh tế Đông- Tây) lên 4 làn xe	1.643
8	Đường bộ ven biển (Tỉnh Quảng Trị)	636
9	Đường hành lang biên giới	700
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến Quốc lộ trên địa bàn tỉnh	240
11	Cao tốc Bắc Nam phía Đông (Theo QH đường cao tốc Việt Nam)	4.500
12	Cao tốc Bắc Nam phía Tây (Theo QH đường cao tốc Việt Nam)	4.500
13	Cao tốc Cam Lộ- Lao Bảo (Theo QH đường cao tốc Việt Nam)	4.200
14	Cao tốc Cam Lộ- Túy Loan (Theo QH đường Hồ Chí Minh)	2.100
15	Cải tạo nâng cấp đường sắt quốc gia hiện có vào đúng cấp kỹ thuật đạt tốc độ 120km/h (Theo chiến lược phát triển đường sắt Việt Nam)	315
16	Đường sắt cao tốc Bắc- Nam tốc độ 350km/h (Theo chiến lược phát triển đường sắt Việt Nam)	2.432
17	Cải tạo, nâng cấp ga Đông Hà đạt tiêu chuẩn ga cấp II, nâng cấp hệ thống ga đường sắt còn lại trên địa bàn tỉnh	150
18	Đường sắt Lao Bảo- Đông Hà (Theo quy hoạch đường sắt Việt Nam và chiến lược phát triển đường sắt cận cao tốc trên hành lang Đông- Tây)	2.627
19	Đường sắt Diên Sanh- Mỹ Thủy và ga đường sắt Mỹ Thủy	63
20	Đường sắt Đông Hà- Cửa Việt	44
21	Cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng Cửa Việt	222
22	Sân bay Quảng Trị	375
23	Trường Đại học kỹ thuật Quảng Trị- thuộc Dự án tổng thể Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị	800
24	Nâng cấp trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị thành trường Đại Học	100
25	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn toàn tỉnh	227
26	Phát triển hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam	1.000
27	Khu Bảo tồn nguồn lợi biển đảo Cồn Cỏ	25
28	Di tích lịch sử hàng rào điện tử Macmara	50
II	CÁC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO TỈNH QUẢN LÝ	19.019
1	Kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Nam Đông Hà	118
2	Kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Quán Ngang	214
3	Kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Hải Lăng	157

4	Kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Bắc Hồ Xá	146
5	Kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp đường 9	104
6	Kết cấu hạ tầng các Cụm Công nghiệp	300
7	Kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	600
8	Kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế cửa khẩu La Lay	120
9	Kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế biển Đông Nam Quảng Trị	600
10	Kết cấu hạ tầng Khu Dịch vụ du lịch Cửa Việt- Cửa Tùng- Cồn Cỏ	350
11	Kết cấu hạ tầng Khu Dịch vụ du lịch bãi tắm Triệu Lăng	100
12	Kết cấu hạ tầng đô thị Đông Hà (Gồm cả Dự án hỗ trợ kỹ thuật phát triển kinh tế-xã hội toàn diện thị xã Đông Hà)	450
13	Đường và kè 2 bên bờ sông Hiếu (Thị xã Đông Hà)	300
14	Đường và kè 2 bên bờ sông Thạch Hãn (Thị xã Quảng Trị)	100
15	Đường nối Quốc lộ 1A về cảng Mỹ Thủy	939
16	Đường Tà Rụt- La Lay	45
17	Đường vào xã Hải Lệ và đường vào phường An Đôn (Mới chia tách)	70
18	Đường 571 (Quy hoạch nâng cấp thành Quốc lộ)	416
19	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh (Đến năm 2020 cứng hóa mặt đường của 100% tuyến đường tỉnh)	1.315
20	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện, thị xã (Đến năm 2020 cứng hóa 80% mặt đường của 80% tuyến đường huyện)	527
21	Dự án giao thông nông thôn 2 (WB2)	70
22	Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn	1.000
23	Các cầu lớn: Cửa Việt, Bắc Phước, Vĩnh Phước, Đại Lộc, Ba Buôi, Châu Thị, An Tiêm, Hiếu, Hội Yên 1, Hội Yên 2, qua sông Thạch Hãn	779
24	Cầu An Mô	50
25	Xây dựng 04 bến xe liên tỉnh: Bắc Đông Hà (Loại 1), Nam Đông Hà (Loại 1); Trung tâm Đông Hà (Loại 2); Lao Bảo (Loại 2)	67
26	Xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu cho cảng Mỹ Thủy (Giải phóng mặt bằng, tái định cư, đường, điện, cấp nước...)	200
27	Xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu cho cảng trung chuyển công- tenơ tại Đông Hà hoặc vùng phụ cận (Giải phóng mặt bằng, đường, điện, cấp nước...)	150
28	Bến số 3- Cảng Cửa Việt, chỉnh trị luồng tàu nâng công suất lên 800.000 tấn/năm	343
29	Xây dựng bến cập tàu và mở luồng vận tải biển Cửa Việt- Cồn Cỏ, Cửa Tùng- Cồn Cỏ	33
30	Dự án hỗ trợ kỹ thuật và dự án cấp nước và vệ sinh môi trường vùng Mê Kông cho 4 đô thị: Lao Bảo, Đông Hà, Quảng Trị, Cửa Việt (ADB)	366
31	Mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước thị xã Quảng Trị và các vùng lân cận (ADB)	30
32	Cải thiện môi trường Miền Trung- thị xã Đông Hà (ADB)	234
33	Dự án hợp tác mở rộng cấp nước thị xã Đông Hà và vùng phụ cận (Pháp)	40
34	Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thị xã Quảng Trị (Na Uy)	127
35	Cấp nước cho các thị trấn Ái Tử, Cửa Tùng và các thị trấn mới; nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước các đô thị	220
36	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các đô thị	150
37	Xây dựng hệ thống bãi rác thải ở các đô thị	50
38	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện các huyện, thị xã còn lại trong tỉnh	150

39	Cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ	50
40	Kết cấu hạ tầng Bưu Chính- Viễn thông và Công nghệ thông tin	185
41	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng	50
42	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Cồn Cỏ (Giai đoạn 2)	95
43	Khu neo đậu trú tránh bão và hậu cần nghề cá Triệu An	50
44	Hệ thống chống lũ vùng trũng Hải Lăng	273
45	Hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn	344
46	Hệ thống thủy lợi Đá Mài- Tân Kim	169
47	Nâng cấp hồ Hà Thượng	23
48	Đập Sa Lung	78
49	Kênh La Ngà	20
50	Kè Long- Giang	36
51	Hệ thống thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh	300
52	Chương trình kiên cố hóa kênh mương	150
53	Hệ thống đê biển	200
54	Hệ thống đê, kè chống sạt lở bờ sông	200
55	Dự án tạo thảm thực vật dọc Quốc lộ 9	25
56	Đề án xóa đói giảm nghèo bền vững huyện Đakrông (61 huyện nghèo)	2.000
57	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp Quảng Trị	155
58	Dự án chia sẻ giai đoạn 2	200
59	Các dự án ODA hỗ trợ phát triển, xóa đói giảm nghèo khác trên địa bàn tỉnh	1.500
60	Dự án di dân tái định cư vùng sụt lún đất tại Cam Lộ	44
61	Di dân ra đảo Cồn Cỏ	20
62	Di dân phát triển vùng kinh tế mới xã A Dơi	45
63	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh	236
64	Bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Trung ương Huế tại Quảng Trị	120
65	Các bệnh viện đa khoa khu vực huyện, thị	250
66	Các trung tâm y tế dự phòng: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc- mỹ phẩm- thực phẩm; Trung tâm Bệnh dịch y tế tại Lao Bảo, Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Phòng, chống bệnh xã hội	80
67	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	30
68	Xây dựng mới Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	30
69	Bệnh viện Y học cổ truyền	30
70	Di tích Thành Cổ Quảng Trị giai đoạn 2	193
71	Di tích sân bay Tà Con	29
72	Tôn tạo di tích lịch sử Địa đạo Vịnh Mốc	20
73	Khu Di tích Cồn Vương- Tân Sở	30
74	Quảng trường và Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh	160
75	Sân Vận động Đông Hà (Giai đoạn 2)	25
76	Khu liên hợp thể thao Đông Hà	70
77	Nhà Thi đấu đa năng tỉnh	54
78	Trung tâm Văn hóa- Thể thao các huyện, thị xã	150
79	Nâng cao năng lực thông quan tại cặp cửa khẩu Lao Bảo- Đen sa vẫn (Vốn Nhật Bản tài trợ cho EWEC1,2)	15
80	Trung tâm đào tạo dịch vụ tiếp cận khu vực (Vốn Nhật Bản tài trợ cho EWEC1,2)	39

81	Nâng cấp trường Trung học Nông nghiệp- Phát triển nông thôn thành trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật	27
82	Nâng cấp trường Trung học Y tế thành trường Cao đẳng	20
83	Nâng cấp trường công nhân kỹ thuật và nghiệp vụ GTVT thành trường Trung học nghiệp vụ GTVT	25
84	Nâng cấp trường Trung học Dạy nghề thành trường Cao đẳng nghề	25
85	Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	16
86	Dự án Rà phá bom mìn vật liệu nổ trên địa bàn tỉnh	93
87	Xây dựng các trung tâm quan trắc, giám sát môi trường	12
III	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH	69.403
1	Cơ sở hạ tầng cảng và các Cụm Dịch vụ cảng biển Mỹ Thủy	40.208
2	Cơ sở hạ tầng cảng và các Cụm Dịch vụ trung chuyển công- tenno tại Đông Hà hoặc vùng phụ cận	1.000
3	Nhà máy thu gom và xử lý, tái chế rác thải thị xã Đông Hà	50
4	Hệ thống thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Trị (18 dự án với công suất 103,9 MW)	2.429
5	Nhà máy nghiền clinke 25 vạn tấn/năm tại Khu Công nghiệp Nam Đông Hà	166
6	Nhà máy xi măng 35 vạn tấn/năm (Nâng cấp, mở rộng 70-100 vạn tấn)	1.000
7	Nhà máy đóng tàu Nam Cửa Việt	1.499
8	Nhà máy sửa chữa và đóng mới tàu đánh cá tại Cửa Việt	10
9	Nhà máy bia 25- 30 triệu lít/năm	420
10	Nhà máy sản xuất nước uống tinh lọc	20
11	Nâng cấp, mở rộng nhà máy sản xuất rượu SiKa	10
12	Nhà máy chế biến silicat tại Hải Lăng	1.260
13	Nhà máy sản xuất kính pha lê	500
14	Khai thác titan và sản xuất các thành phẩm từ nguyên liệu titan	60
15	Các nhà máy sản xuất gạch tuynen, gạch blooc	110
16	Sản xuất tấm lợp không amiăng: Tôn, tấm lợp xi măng cốt sợi thủy tinh	100
17	Mở rộng khai thác đá Tân Lâm lên 500- 600 nghìn m ³ /năm	100
18	Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than tại Hải Lăng	500
19	Khu khí- điện- đạm (Điện khí: 1500MW, phân đạm: 800.000 tấn/năm)	10.000
20	Các nhà máy dệt, may xuất khẩu	150
21	Các nhà máy sản xuất giấy, da xuất khẩu	40
22	Nhà máy lắp ráp xe tải nhẹ	150
23	Nhà máy sản xuất phụ tùng xe máy, xe đạp	120
24	Nhà máy lắp ráp xe máy, xe đạp điện	50
25	Nhà máy lắp ráp điện tử, điện lạnh	30
26	Nhà máy lắp ráp máy vi tính	30
27	Nhà máy lắp ráp điện thoại di động ICALL	83
28	Nhà máy cán kéo thép chất lượng cao	200
29	Khai thác, chế biến vàng vùng A Vao	40
30	Khai thác, tinh chế nước khoáng	40
31	Nhà máy sản xuất bao bì xi măng PP	50
32	Nhà máy sản xuất bao bì	32
33	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan	40
34	Nhà máy chế biến cao su	40
35	Nhà máy chế biến nhựa thông	20

36	Nhà máy chế biến dầu sinh học (Từ cây Ba đậu nam)	100
37	Các nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu	70
38	Nâng cấp nhà máy chế biến thủy sản Cửa Việt	10
39	Nhà máy chế biến thủy sản Cửa Tùng	30
40	Nhà máy chế biến súc sản xuất khẩu	30
41	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	30
42	Hệ thống cửa hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm, buôn bán dọc hành lang Đông-Tây	200
43	Hệ thống cây xăng trên địa bàn tỉnh (Theo quy hoạch)	150
44	Hệ thống logistic dọc hành lang kinh tế Đông- Tây (Kho bãi trung chuyển hàng hóa, kho ngoại quan, các trung tâm dịch vụ vận tải...)	200
45	Các trung tâm dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách, lữ hành, taxi...	100
46	Các trung tâm dịch vụ viễn thông, bưu chính, thông tin liên lạc...	1.088
47	Hệ thống các ngân hàng, tổ chức tín dụng	100
48	Hệ thống các bãi xe, bãi đậu xe trên địa bàn (Nội tỉnh)	80
49	Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại tại Đông Hà, Lao Bảo	700
50	Khu thương mại và văn phòng cao cấp ở Đông Hà, Lao Bảo	400
51	Khu chung cư bán và cho thuê	100
52	Trung tâm hội chợ, hội nghị, triển lãm tại Đông Hà, Lao Bảo	450
53	Phát triển hệ thống chợ nông thôn (Nhà nước và nhân dân cùng làm)	109
54	Khu đô thị mới Nam Đông Hà	500
55	Khu đô thị mới Bắc Đông Hà	500
56	Khu đô thị mới Bắc Thành Cổ	200
57	Lâm viên cọ dầu Trung Chi	40
58	Khu Du lịch La Vang (Hải Phú)	50
59	Khu Du lịch sinh thái hồ Rào Quán	50
60	Khu Du lịch sinh thái hồ Ái Tử	20
61	Hệ thống khách sạn 4-5 sao tại Đông Hà, Lao Bảo, Cửa Việt- Cửa Tùng	600
62	Các Khu Dịch vụ- Du lịch (Resort) dọc ven biển Cửa Việt- Cửa Tùng	800
63	Sân golf tại Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt- Cửa Tùng	300
64	Khu Du lịch sinh thái biển Cồn Cỏ	30
65	Khu vui chơi, giải trí có thưởng tại đảo Cồn Cỏ	50
66	Mở tuyến tàu du lịch Cửa Việt- Cồn Cỏ- Cửa Tùng	60
67	Khu Du lịch sinh thái Khe Gió, Rú Lịnh, trầm Trà lộc	60
68	Các trang trại nông lâm ngư hoặc kết hợp	500
69	Phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung ven sông Cửa Việt, Hiền Lương, Cảnh Hòm và vùng cát ven biển	350
70	Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu gỗ MDF	140
71	Dự án trồng rừng nhiên liệu sinh học	50
72	Các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa trên địa bàn tỉnh (Xã hội hóa)	200
73	Các trường học phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề (Xã hội hóa)	200
74	Bảo tồn các di tích lịch sử kết hợp kinh doanh du lịch, dịch vụ	150
75	Các công trình thể dục- thể thao, văn hóa được xã hội hóa	50